

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày: 09 tháng 5 năm 2018
“V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Quang.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-DS ngày 20/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Văn T (tên gọi khác là Mai Thanh T);

Địa chỉ: Làng D, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phan Thị L;

Địa chỉ: Thôn An, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2017, Biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 8 năm 2017, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15 tháng 3 năm 2018, Biên bản hòa giải ngày 15 tháng 3 năm 2018 và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Mai Văn T (tên gọi khác là Mai Thanh T) trình bày:

Năm 2014, bà Phan Thị L có mua cám gạo của ông Mai Văn T (tên gọi khác là Mai Thanh T), đến ngày 20-01-2014, tổng số tiền mà bà L nợ ông T là 15.692.000 đồng. Đến ngày 26-01-2014 bà L đã trả trước số tiền 10.000.000 đồng. Tiếp đến ngày 15-02-2014, bà L mua nợ cám gạo với số tiền là 1.158.000

đồng. Như vậy, tổng số tiền mà bà L mua cám gạo còn nợ ông T là 6.850.000 đồng. Nay ông T yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả số tiền còn nợ là 6.850.000 đồng (sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Đối với việc bà L trình bày là “Từ ngày 05-9-2014 đến ngày 05-4-2015, vợ ông T là bà Phan Thị T1 và con của ông T là cháu T2 có mua nợ rượu của bà L với tổng số tiền là 880.000 đồng, nên bà L yêu cầu Tòa án phải khấu trừ số tiền 880.000 đồng vào số tiền 6.850.000 đồng mà bà L phải trả”, thì ông T không chấp nhận, vì người mua nợ rượu là bà Phan Thị T1 và cháu T2, còn ông T không phải là người mua rượu và ông cũng không nợ gì với bà L cả.

Trong Biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 8 năm 2017, bị đơn là bà Phan Thị L trình bày:

Năm 2014 bà Phan Thị L có mua cám gạo của ông Mai Văn T (tên gọi khác là Mai Thanh T), đến ngày 20/01/2014 bà L có chót nợ với ông T, với số tiền nợ là 15.692.000 đồng. Đến ngày 26/01/2014 bà L có trả trước cho ông T số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 15/02/2014, bà L tiếp tục mua nợ cám gạo của ông T, với số tiền là 1.158.000 đồng. Tổng số tiền mà bà L chưa thanh toán cho ông T là 6.850.000 đồng. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 6.850.000 đồng thì bà L hẹn đến ngày 30/12/2017 sẽ trả đủ.

Tuy nhiên từ ngày 05/9/2014 đến ngày 05/4/2015, vợ của ông T là bà Phan Thị T1 và con của ông T là cháu T2 có mua nợ rượu của bà L, với tổng số tiền là 880.000 đồng, nên bà L yêu cầu khấu trừ số tiền này vào số tiền 6.850.000 đồng mà bà L phải trả cho ông T.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Bản gốc Đơn khởi kiện đề ngày 03-4-2017 của ông Mai Văn T; bản sao Chứng minh nhân dân của ông Mai Văn T; bản photo Sổ hộ khẩu của ông Mai Văn T; bản gốc Thông báo yêu cầu trả nợ ngày 04-4-2017; bản gốc liên hồng; bản gốc giấy báo phát; bản gốc giấy viết tay đề ngày 20/01/2014, ngày 26/01/2014 và ngày 15/02/2014; Biên bản lấy lời khai ngày 10-8-2017 của bà Phan Thị L; Biên bản lấy lời khai ngày 11-8-2017 của ông Mai Văn T;

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.
- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật.
- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.
- Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T (tên gọi khác là Mai Thanh T).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Bà Nguyễn Thị L còn nợ ông Mai Văn T (tên gọi khác là Mai Thanh T) số tiền là 6.850.000 đồng.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất:

- Bà Lan yêu cầu khấu trừ số tiền 880.000 đồng vào số tiền 6.850.000 đồng mà bà L phải trả cho ông T.
- Ông T không đồng ý khấu trừ số tiền 880.000 đồng vào số tiền 6.850.000 đồng mà bà L phải trả cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 4 năm 2017 của ông Mai Văn T (tên gọi khác là Mai Thanh T) có hình thức và nội dung đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây được viết là BLTTDS). Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của ông Mai Văn T đối với bà Phan Thị L về việc yêu cầu trả số tiền nợ 6.850.000 đồng, mà Tòa án nhân dân huyện G đang tiến hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Bà Phan Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bà L.

[3] Xét yêu cầu của ông Mai Văn T thấy rằng: Ông T có bán nợ cám gạo cho bà Phan Thị L, số tiền mà bà L còn nợ và chưa thanh toán cho ông T 6.850.000 đồng. Việc mua nợ này được xác thực bằng giấy viết tay đề ngày 20/01/2014, ngày 26/01/2014 và ngày 15/02/2014.

Đến ngày 04/4/2017, ông T có gửi cho bà L “Thông báo yêu cầu trả nợ” và yêu cầu bà L trả số tiền 6.850.000 đồng, trong thời hạn 07 (bảy) ngày. Nhưng vì bị đơn vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay và hiện nay vẫn chưa trả tiền, nên việc khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 6.850.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 290 Bộ Luật Dân sự (sau đây được viết là BLDS).

[4] Xét yêu cầu của bà Phan Thị L về việc khấu trừ số tiền 880.000 đồng vào số tiền 6.850.000 đồng mà bà L phải trả cho ông Tuyến, thì trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập bà L để yêu cầu bà trình bày về vấn đề này và hỏi bà có yêu cầu phản tố không, tuy nhiên bà L vắng mặt không có lý do, đồng thời ông Tuyến không đồng ý và cho rằng việc bà T1 và cháu T2 mua nợ rượu của bà L không liên quan gì đến ông T. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này.

[5] Từ những phân tích và nhận định như trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc xử buộc bà Phan Thị L phải trả cho ông Mai Văn T (tên gọi khác là Mai Thanh T) số tiền 6.850.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) là đúng pháp luật.

[6] Do nguyên đơn không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về lãi suất chậm trả do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

- Áp dụng Điều 283; Điều 285 và Điều 290 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Mai Văn TuTyên (tên gọi khác là Mai Thanh T). Buộc bà Phan Thị L phải trả cho ông Mai Văn T (tên gọi khác là Mai Thanh T) số tiền 6.850.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Phan Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 342.500 (*Ba trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*). Ông Mai Văn T (tên gọi khác là Mai Thanh T) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho ông T số tiền 171.250 đồng (một trăm bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) đồng tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0000374 ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Quảng